

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT-TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/DS-ST

Ngày: 22/9/2022

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

N- ÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TP HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến

Bà Nguyễn Thị Mai

Th- ký Tòa án nhân dân huyện TT ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT: Bà Bùi Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 9 năm 2022 và ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2021/TLST – DS ngày 13/10/2021 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST - DS ngày 08/9/2022 giữa các đ- ong sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949; (có mặt)

Trú tại: Thôn M, xã HB, huyện TT, Tp. Hà Nội;

Bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T (theo văn bản ủy quyền công chứng số 586/2020/HĐUQ ngày 28/5/2020). (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp xã HB, huyện TT, TP. Hà Nội;

Địa chỉ: Xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T – Giám đốc Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp xã HB. (Có mặt)

- Ông Vũ Hữu D, sinh năm 1949 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã HB, huyện TT, TP.Hà Nội;

- Anh Vũ Hữu L, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn M, xã HB, huyện TT, TP.Hà Nội;

- Chị Vũ Thị H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn BM, xã HB, huyện TT, TP.Hà Nội;

- Chị Vũ Thị N, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Đ, xã HB, huyện TT, TP.Hà Nội;

- Anh Vũ Hữu T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn B, xã HB, huyện TT, TP.Hà Nội;

- Anh Vũ Hữu T1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn M, xã HB, huyện TT, TP.Hà Nội;

Ông D, anh L, chị H, chị N, anh T, anh T1 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H(theo văn bản ủy quyền số công chứng 585/2020/HĐUQ ngày 28/5/2020).

Bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T (theo văn bản ủy quyền công chứng số 586/2020/HĐUQ ngày 28/5/2020).

Bà H nhận ủy quyền của ông D, anh L, chị H, chị N, anh T, anh T và ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị T (theo văn bản ủy quyền công chứng số 586/2020/HĐUQ ngày 28/5/2020).

- Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1964;

- Anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1987;

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã HB, huyện TT, TP. Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn BM, xã HB, huyện TT, TP. Hà Nội.

Bà Đỗ Thị H, anh Nguyễn Đình K, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị N1 ủy quyền cho ông Nguyễn Đình T.

*** Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1945 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội;

- Ông Vũ Hữu H, sinh năm 1944 (vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội;

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1951 (vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Thôn M, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội;

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1937 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn SC, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội;

- Ông Vũ Hữu T2, sinh năm 1947 (vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Thôn S, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình Tòa án giải quyết vụ án Nguyễn đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà với ông Nguyễn Đình T có quan hệ hàng xóm. Năm 1981, gia đình bà được giao 06 thửa đất nông nghiệp ruộng cấy. Sau đó bà đổi cho hai gia đình khác trong đội sản xuất để tiện cho việc cấy cấy. Bà không có ý kiến gì về việc đổi đất cho hai gia đình trên. Nên diện tích gia đình bà gộp lại chỉ còn 04 thửa ruộng cấy, cụ thể:

Thửa ruộng ở XM, 01 sào 7 thước 5m.

Thửa ruộng ở CG, 11 thước 6m

Thửa ruộng ở ĐB, 1 sào 3 thước

Thửa ruộng ở ĐM, 14 thước

Bốn thửa đất trên vẫn giữ nguyên. Năm 1984, bà cho ông T, bà H mượn hai thửa: Thửa ở ĐM có diện tích 14 thước và thửa ở ĐB có diện tích là 01 sào 3 thước. Bà cũng không biết lý do gì bà Nguyễn Thị S đã cấy thửa ruộng ở xứ ĐB của bà. Vụ án này bà yêu cầu giải quyết với ông T và bà H trả bà thửa ruộng 14 thước. Còn thửa ruộng với bà S bà yêu cầu vụ án sau.

Gia đình bà cấy lúa từ năm 1981 đến năm 1984 bà cho ông T cấy thửa ruộng cấy lúa ở xứ ĐM và xứ ĐB vì lý do: năm 1978, khi đó có chính sách đi xây dựng vùng kinh tế mới đi Lâm Đồng, Ủy ban xã HB vận động gia đình bà bán nhà, chuẩn bị đồ đạc để đi Lâm Đồng. Bà chấp hành chính đã bán nhà. Sau đó chờ gần một năm Ủy ban xã HB thông báo cho gia đình bà đợt đi xây dựng vùng kinh tế mới ở Lâm Đồng bị hoãn không đi được. Số tiền bán nhà gia đình bà đã sử dụng hết, gia đình bà bị mất nhà nên bà đã vay tiền mua gian lều chợ của bà C để ở tạm. Gia đình bà cấy thửa ruộng đó đến năm 1984, người ta đến đòi tiền nhà ở gian lều chợ vì bà vay chưa trả được. Sau đó chồng bà là ông Vũ Hữu D bảo bà ở nhà vừa cấy, vừa bán nhà để trả nợ, còn ông D đưa các con và cháu là con liệt sĩ đi lên KB, Hòa Bình để đi ở nhờ. Còn bà vẫn ở HB buôn bán để mang tiền, mang gạo lên Hòa Bình nuôi con. Vì bà không cấy được ruộng nên bà H vợ ông T đến nhà bà hỏi cho vợ chồng ông T cấy ruộng và trông nom. Bà chỉ yêu cầu ông T và bà H cấy để giữ, trông nom hộ bà, chứ không viết giấy sang tên đổi chủ, không giao trả hợp tác. Ông T, bà H cấy được vài năm sau, thì bà đòi lại ruộng để cấy thì vợ chồng ông T nói với bà là khi nào đưa các em về thì trả lại ruộng, còn bây giờ đang chạy ăn thì cấy làm gì. Bà không đồng ý, nhưng ông T và bà H cũng vẫn không trả bà. Đến năm 1993, chồng bà đưa các con về bắt đầu bà đòi riết. Bà lên ruộng đó để cấy thì hai bên đã xảy ra xô xát, có một mình bà không chống được nên bà về. Bà vẫn tiếp tục đi đòi, năm 1993 chuẩn bị chia lại ruộng, bà nghe ngóng xem có chia lại ruộng hay không, bà đến nhà bà TH là kế toán của Hợp tác xã HB, bà H bảo với bà không chia được vì ít

ruộng quá. Khi đó bà quay về đòi ruộng ông T, bà H, hai bên lại tiếp tục xảy ra xô xát. Thừa ruộng bỏ hoang khoảng 10 năm trở lại đây. Bà đến cấy thì ông T và bà H giữ không cho cấy. Còn ông T và bà H cũng không cấy, ruộng để hoang. Vì đòi nhiều lần ông T và bà H không trả nên năm 2003, bà làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã HB giải quyết tranh chấp. UBND xã HB đã tiến hành thẩm tra, xác minh qua ông Nguyễn Mạnh S – Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp tại thời điểm đó, ông S trả lời không biết và không đủ căn cứ giải quyết. Sau đó ông Nguyễn Đình N đã xác minh với ông Vũ Đình T là chủ nhiệm hợp tác xã tại thời điểm giao ruộng cho gia đình bà, với ông Vũ Hữu H là đội trưởng đội sản xuất trực tiếp quản lý ruộng của gia đình bà.

Qua xác minh với ông Vũ Đình T và ông Vũ Hữu H là chủ nhiệm Hợp tác xã và ban chỉ huy đội Đình Chùa từ thời kỳ giao ruộng đất năm 1981 đến năm 1992 và năm 1998 có khẳng định việc giao ruộng mà Hợp tác xã nông nghiệp xã HB thực hiện theo chủ trương của Đảng và Nhà nước năm 1981 đến năm 1986 có giao cho một số ruộng trên cho ông D, bà H. Từ khi giao ruộng cho đến khi chuyển giao công tác cho người khác thì không thấy gia đình ông D, bà H trả lại ruộng cho Hợp tác xã hoặc Hợp tác xã nông nghiệp HB thu hồi ruộng của ông D, bà H giao cho người khác. Về ý kiến của ông T và ông H đối với ông T và bà H từ khi giao ruộng đất cho nhân dân sản xuất năm 1981 và năm 1986 Hợp tác xã nông nghiệp HB không giao thêm cho hộ ông T, bà H. UBND xã HB giao 04 thửa ruộng trên cho ông D, bà H và chưa thu hồi để giao cho người khác thì vẫn thuộc quyền quản lý và sử dụng của gia đình bà.

Đến năm 2020, ông Vũ Đình T là chủ nhiệm Hợp tác xã HB từ năm 1971 đến năm 1984, viết bản tường trình về việc Hợp tác xã Nông nghiệp có giao ruộng cho gia đình bà Nguyễn Thị H và ông T có xác nhận đến thời điểm này thửa đất của bà H vẫn chưa được thu hồi. Ông Nguyễn Văn T làm Chủ nhiệm Hợp tác xã từ năm 1984 đến 1990 xác nhận là không xáo trộn đất đai và không chia lại ruộng đất. Các đội sản xuất ổn định các gia đình đều ổn định số diện tích và đội sản xuất quản lý. Ông Vũ Hữu H là đội trưởng đội sản xuất từ năm 1976 đến năm 1992, ông H có xác nhận giao ruộng cho bà H các thửa ruộng như trong đơn, đến năm 2020 vẫn chưa thu hồi. Kể từ năm 1981 đến nay, Hợp tác xã HB không chia lại ruộng đất. Bà khẳng định bà không nợ sản của Hợp tác xã trong thời điểm bà cấy ruộng. Từ trước đến nay gia đình bà không cắt khẩu khỏi địa phương.

Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ông T và bà H trả lại bà quyền sử dụng thửa ruộng cấy ở xứ ĐM có diện tích 14 thước. Hiện nay thửa đất vẫn bỏ hoang.

Bị đơn là ông Nguyễn Đình T trình bày:

Ông với bà Nguyễn Thị H có quan hệ hàng xóm, trước kia ông với bà H cùng đội sản xuất.

Nguồn gốc thửa đất ruộng trồng lúa ở xứ ĐM có diện tích 14 thước Hợp tác

xã HB chia cho bà Nguyễn Thị H. Năm 1987, bà H bỏ đi lên huyện KB, tỉnh Hòa Bình sinh sống cùng chồng ở trên đó. Thừa ruộng trồng lúa bỏ hoang hóa. Thực hiện chính sách của Nhà nước chia lại ruộng không để hoang hóa, Hợp tác xã HB đã chia lại ruộng cho gia đình ông vào năm 1987 đúng thửa ruộng 14 thước của bà H. Từ năm 1987 đến nay gia đình ông quản lý, sử dụng thửa đất và cây lúa được 34 năm. Giấy tờ chia thửa đất nông nghiệp cho gia đình ông ở Văn phòng Hợp tác xã nông nghiệp HB vẫn còn nguyên và đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Đình T. Gia đình ông nộp thuế, sản đầy đủ từ đó đến nay. Gia đình nhà ông với gia đình nhà bà H đã xảy ra tranh chấp. Hai bên đã giải quyết ở xã thì ý kiến của ông Vũ Hữu T2 nguyên là kế toán của Hợp tác xã nông nghiệp, ông Nguyễn Văn T1 hiện đang là cán bộ ban quản lý Hợp tác xã nông nghiệp, ông Vũ Hữu H nguyên là đội trưởng đội sản xuất Đ. Các ông đều có ý kiến chia lại ruộng và đã chia thửa ruộng có diện tích 14 thước ở xứ ĐM trước kia của gia đình của gia đình bà H, Hợp tác xã nông nghiệp HB đã chia cho gia đình nhà ông. Bà Nguyễn Thị H không có tên trong sổ sách của Hợp tác xã nông nghiệp HB quản lý mà chỉ có tên của hộ gia đình nhà ông là ông Nguyễn Đình T có từ năm 1987 đến nay. Bà H không có tên trong danh sách chia ruộng vì khi đó gia đình bà đang sinh sống tại huyện KB, tỉnh Hòa Bình. Bà H không cho ông mượn ruộng, bà nói bà cho gia đình ông mượn ruộng là không đúng. Nhà ông được chia thửa đất năm 1987 là thửa ruộng của gia đình ông. Hiện tại thửa ruộng vẫn để trống, mấy năm nay gia đình ông không cấy vì không có nước, ruộng để không.

Nay bà Nguyễn Thị H kiện ông yêu cầu ông trả lại thửa đất ruộng trồng lúa có diện tích 14 thước ở xứ ĐM, ông không đồng ý, Ông không liên quan gì vì thửa đất Hợp tác xã nông nghiệp chia cho gia đình ông quản lý sử dụng từ năm 1987 đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Hữu D trình bày:

Ông là chồng bà Nguyễn Thị H, vợ chồng ông được 05 người con. Năm 1978 – 1979, lãnh đạo xã HB đã thúc giục gia đình ông bán nhà gấp để kịp đi kinh tế mới ở Lâm Đồng. Gia đình ông đã bán rẻ cho bạn để lấy tiền mua hàng hóa vật dụng. Số tiền bán nhà tiêu hết thì xã báo hoãn không đi nữa nên gia đình ông mất nhà, nhưng UBND xã HB không hỗ trợ gì cho gia đình ông. Vài tháng sau người mua nhà đuổi không cho ở nữa nên ông đã vay tiền của bạn để mua gian lều chợ của bà BC để cả nhà lấy chỗ ở. Năm 1981, gia đình ông được Hợp tác xã nông nghiệp xã HB giao ruộng đất theo Chỉ thị của Nhà nước. Vợ ông đi nhận ruộng của gia đình. Khoảng năm 1984, tiền vay mua nhà bị đòi nên ông đưa các con lên Hòa Bình ở nhờ để vợ ông ở nhà cấy mấy thửa ruộng và bán cái lều ở chợ để trả nợ tiền vay.

Do vợ ông sốt ruột muốn biết bố con ông ở Hòa Bình ăn ở như thế nào, nên đã cho nhà ông bà QT và ông bà TH mượn ruộng, để lên Hòa Bình ổn định chỗ ăn ở cho bố con ông. Việc vợ ông ở nhà cho mượn ruộng như thế nào ông không chứng kiến; chỉ nghe vợ ông nói là cho ông bà QT mượn ruộng ở ĐN, cho gia

đình ông TH mượn ruộng ở ĐM, ĐB.

Vợ ông ở Hòa Bình vài hôm ổn định con cái xong thì về quê và mua theo một xe mía để bán. Vợ ông bán hàng ở chợ quanh năm, không có nhà để ở nên vợ ông ăn ngủ luôn ở chợ. Khoảng năm 1992 – 1993 ông đưa các con về làng, sau đó gia đình ông đến nhà ông bà TH để đòi ruộng nhưng ông T không trả và cãi là được Hợp tác xã giao cho, nên hai bên cãi nhau, đối đầu nhiều năm nay. Thực ra vợ ông đã đòi ruộng từ mấy năm trước khi ông về quê, nhưng các gia đình mượn ruộng nhà ông cứ khất và xin cho họ được cấy thêm vài vụ nữa, do lúc đó ông không ở nhà, vợ ông có một mình nên lại đồng ý cho mượn tiếp.

Vợ con ông ra ruộng để cấy thì hai gia đình ông TH và bà Nguyễn Thị S ra nhổ bỏ mạ và phá. Từ đó gia đình ông không cho ông bà TH và bà S cấy hai thửa ruộng này, kể cả bán thì gia đình ông cũng phá không cho bán. Nên thửa ruộng cho ông bà TH mượn đến nay vẫn bỏ hoang.

Nay ông đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích cho gia đình ông theo quy định pháp luật, buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình T trả lại thửa ruộng ở ĐM cho gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Hữu T trình bày:

Anh là con trai của ông Vũ Hữu D, bà Nguyễn Thị H. Gia đình anh được 05 anh em. Năm 1981, Nhà nước giao ruộng Nông nghiệp cho gia đình anh thì anh còn nhỏ nên không biết. Chỉ sau này thấy bố mẹ anh kể là gia đình anh được Nhà nước và Hợp tác xã chia cho ruộng ở ĐN, ĐM, ĐB.

Năm anh khoảng 6,7,8 tuổi bố anh đã đưa anh chị em anh lên Hòa Bình ở nhờ. Mẹ anh vẫn ở quê nhà ở HB để đi chợ bán mía, bán rau, bán kẹo, làm thuê. Anh thấy mọi người kể là nhà anh bán nhà trả nợ nên mẹ anh ban ngày bán hàng, tối ngủ luôn ở lều chợ của làng. Anh còn bé nên không được biết việc mẹ anh cho mượn ruộng. Anh chỉ được nghe bố mẹ anh kể lại là nhà anh có mấy thửa ruộng, mẹ anh cho và người ở làng mượn ruộng cụ thể là nhà bà TH mượn 02 thửa ruộng, là thửa ở ĐM và thửa ở ĐB. Sau này các gia đình mượn ruộng của mẹ anh bán cho ai hay giao lại cho ai thì anh không nắm rõ.

Khoảng năm 1993, bố con anh từ Hòa Bình về làng. Từ ngày về làng đến nay thỉnh thoảng anh lại nghe thấy chị em trong nhà nói là mẹ anh hôm nay lại cãi nhau về ruộng. Mẹ anh nhờ người làm đơn đề nghị chính quyền giải quyết nhiều năm nay nhưng đến nay vẫn chưa đòi được. Năm 2020, gia đình anh đã làm Văn bản ủy quyền cho mẹ anh đại diện gia đình giải quyết tranh chấp để đòi 02 thửa ruộng đã cho nhà ông TH mượn.

Nay anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện TT và các cơ quan ban hành chức năng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình anh, buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình T phải trả lại gia đình anh thửa ruộng ở ĐM mà mẹ anh đã cho ông bà TH mượn trước kia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Hữu T1 trình bày:

Anh là con trai của ông D, bà H; gia đình anh có 05 anh chị em ruột. Năm

1981, nhà nước giao ruộng thì anh mới 01 tuổi nên không biết gì. Năm anh lên 04 tuổi, bố anh đã đưa 5 anh chị em lên Hòa Bình ở nhờ. Mẹ anh vẫn ở quê là HB. Tuổi thơ của anh ít được gần gũi mẹ, thường thì nửa tháng hoặc 1 tháng mẹ anh mới lên Hòa Bình thăm, chủ yếu là mang gạo và thức ăn lên nuôi anh em anh.

Anh không biết việc mẹ anh cho mượn ruộng ngày xưa như thế nào. Khi anh lớn thì được bố mẹ anh kể lại là nhà anh có mấy thửa ruộng, năm bố con anh lên Hòa Bình thì mẹ anh đã cho cậu mợ anh là ông bà QT mượn ruộng và cho ông bà TH mượn ruộng, nhưng khi gia đình anh ở Hòa Bình về đòi thì bên mượn ruộng không trả.

Từ ngày đó đến nay mẹ anh nhiều lần đòi ruộng ông bà TH, cũng nhiều lần cãi nhau, chửi nhau, nhưng đến nay vẫn chưa đòi được.

Nhiều khi anh muốn mang cuốc lên thửa ruộng ĐM để trồng khoai, trồng sắn, trồng trọt chăn nuôi, vì nó là ruộng Nhà nước giao cho gia đình anh nhưng do mẹ anh ngăn lại nên anh đành thôi.

Anh thấy mẹ anh thỉnh thoảng lại nhờ người làm đơn đề nghị chính quyền giải quyết, khi thì ra xã, lúc thì lên huyện và cũng hòa giải ở xã vài lần mà đến nay vẫn chưa đòi được ruộng.

Nay gia đình anh đã ủy quyền cho mẹ anh đại diện gia đình giải quyết tranh chấp để đòi ruộng. Nên anh kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện TT và các cơ quan chưa năng giải quyết đề vợ chồng ông Nguyễn Đình T trả lại gia đình tôi 02 thửa ruộng là thửa ruộng ở ĐM và thửa ruộng ở ĐB, mà mẹ anh đã cho ông bà TH mượn trước kia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị H trình bày:

Chị là con gái của ông Vũ Hữu D, bà Nguyễn Thị H, gia đình chị làm nông nghiệp. Năm 1981, được Nhà nước giao ruộng Nông nghiệp cho 07 người nhân khẩu trong gia đình là bố mẹ chị và 5 anh em. Người đại diện đi nhận ruộng của cả gia đình là mẹ chị. Do hoàn cảnh gia đình nghèo khó nên mẹ chị bắt chị bỏ học khi đang học lớp 2. Nhà chị có ruộng ở ĐB, ĐM, ĐN, thửa nào chị cũng đi cấy, đi gặt.

Năm chị hơn 10 tuổi, bố chị đã đưa chị em chị lên Hòa Bình ở nhờ, để mẹ chị ở nhà bán cái nhà ở Chợ mà trước kia mua nhà bà BC để lấy tiền trả nợ. Mẹ chị ở làng để chạy chợ kiếm tiền đóng gạo gửi lên Hòa Bình nuôi bố con chị. Vì trên Hòa Bình khó kiếm ăn nên mẹ chị không lên Hòa Bình sống. Nhưng mẹ chị không thấy Hợp tác xã hoặc người nào đó báo cho mẹ chị biết là ruộng nhà chị bị thu hồi để giao cho người khác. Nên ruộng nông nghiệp vẫn thuộc về gia đình chị.

Việc mẹ chị cho nhà ông TH mượn ruộng thế nào thì chị không biết. Sau này thì chị biết là mẹ chị đã cho vợ chồng ông bà TH mượn 2 thửa ruộng là thửa ruộng ở ĐM và thửa ruộng ở ĐB.

Sau khi trở về làng, chị đã chứng kiến bố mẹ chị đi đòi ruộng của mấy nhà là nhà ông bà TH và ông bà QT. Bố mẹ chị đã nhiều lần đến nhà ông bà TH để đòi ruộng, nhưng ông bà TH không trả ruộng.

Những năm sau đó mẹ con chị lên thửa ruộng ĐM cấy thì gia đình ông TH ra đuổi và dọa đánh, nhổ bỏ mạ của gia đình chị. Hai bên cãi nhau nhiều lần. Mẹ con chị không cho gia đình ông T cấy trên thửa ruộng ĐM, kể cả Ông T bán thì cũng bị mẹ con chị không cho bán. Nên ruộng bị bỏ hoang.

Nhiều năm nay mẹ chị một mình nhờ người làm đơn đề đòi ruộng. Do gia đình chị văn hóa thấp, kinh tế nghèo; chính quyền xã ngả về phía những người mượn ruộng, nên việc đòi ruộng kéo dài đến nay chưa có kết quả. Mẹ chị từ trước đến nay không cho anh chị em chị liên quan đến việc đòi ruộng, vì sợ con cái hai bên đánh nhau, nên chị đành nghe theo.

Nay chị kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện TT xem xét, giải quyết để vợ chồng ông Nguyễn Đình T trả lại gia đình chị thửa ruộng ở ĐM mà mẹ chị đã cho ông bà TH mượn trước kia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị N trình bày:

Chị là con gái của ông Vũ Hữu D, bà Nguyễn Thị H. Nghề nghiệp chính của gia đình chị là làm nông nghiệp. Năm 1981, Nhà nước giao ruộng Nông nghiệp, tổng số nhân khẩu trong gia đình chị lúc đó gồm 07 người, là bố mẹ chị và 5 người con. Lúc đó các anh chị em còn nhỏ nên mẹ chị là người đại diện đi nhận ruộng của cả gia đình. Năm chị học lớp 2 đã phải bỏ học để đi theo mẹ ra đồng cấy lúa, làm cỏ, gặt lúa... Cụ thể là chị đã cấy và gặt ở thửa ruộng ĐM và DB.

Khoảng năm 1984 – 1985 bố con chị lên Hòa Bình ở, còn mẹ chị thì ở lại quê để chạy chợ kiếm gạo gửi lên Hòa Bình nuôi bố con chị. Mẹ chị chỉ thỉnh thoảng lên thăm vài ngày rồi lại về làng để bán hàng, vì ở làng dễ kiếm tiền hơn. Thời điểm đó mẹ chị cho mượn ruộng như thế nào chị không rõ, vì chị còn nhỏ tuổi nên bố mẹ chị không nói gì với chị. Sau này thì chị biết là mẹ chị đã cho vợ chồng ông bà TH mượn 2 thửa ruộng là thửa ruộng ở ĐM và thửa ruộng ở DB; cho ông bà QT mượn ruộng ở ĐN. Khoảng năm 1992 – 1993, bố con chị trở về, bố mẹ chị đã nhiều lần đến nhà ông bà TH để đòi ruộng, nhưng ông bà TH không trả ruộng và nói là được hợp tác xã giao.

Những năm sau đó mẹ con chị lên thửa ruộng ĐM cấy thì gia đình ông TH ra đuổi và dọa đánh, nhổ bỏ mạ của gia đình chị. Hai bên cãi nhau, đôi đầu nhau nhiều năm. Từ đó mẹ chị thường xuyên canh giữ ruộng và không cho gia đình ông T cấy trên thửa ruộng ĐM. Nếu người khác cấy thì mẹ chị cho cấy còn gia đình ông T cấy là mẹ chị giữ không cho cấy. Ông T đã 2 lần bán thửa ruộng ĐM, đều bị mẹ chị gặp bên mua để phá không cho bán. Nên thửa ruộng này đã bị bỏ hoang khoảng 15 năm qua.

Nhiều năm nay mẹ chị gửi đơn đến chính quyền các cấp để yêu cầu giải quyết, nhưng do gia đình chị thuộc thành phần nghèo khó, thấp cổ bé họng, nên chính quyền xã đã bao che cho bên mượn ruộng. Sự việc vì vậy mà chục năm qua chưa được giải quyết.

Mẹ chị không bỏ lên Hòa Bình ở như phía ông T, bà S nói, chỉ thỉnh thoảng

mẹ chị lên tiếp tế gạo cho bố con chị, còn mẹ chị quanh năm suốt tháng bán hàng ở chợ HB, tối thì ngủ ở lều chợ, cả làng đều biết điều này. Mẹ chị chưa hề nhận được thông báo bị thu hồi ruộng. Nên thửa ruộng ĐM vẫn thuộc quyền sử dụng của gia đình chị.

Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện TT xem xét, giải quyết để vợ chồng ông Nguyễn Đình T trả lại gia đình chị thửa đất nông nghiệp là thửa ở ĐM, mà mẹ chị đã cho ông bà TH mượn trước kia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị H trình bày:

Gia đình bà và bà H là Xã viên, cùng Hợp tác xã năm 1986. Bà H đi KB, Hòa Bình nên không cấy ruộng được nữa. Bà H có cho bà một thửa ruộng 14 thước ở khu vực ĐM. Đến năm 1987 nhiều nhà bỏ ruộng hoang vì cấy không có công cho nên Hợp tác xã đã điều chỉnh và thu lại và cũng chia lại ruộng. Hợp tác xã chia cho gia đình bà thửa ruộng 14 thước của bà H đã cho bà trước đó. Từ từ năm 1987 đến nay, đã 34 năm, trong sổ của Hợp tác xã đã đứng tên của gia đình bà và giờ gia đình bà cũng không liên quan gì đến bà H. Vậy bà kính mong Tòa án nhân dân huyện TT kiểm tra sổ sách ở phòng Hợp tác xã Nông nghiệp xã HB để điều tra chính xác giúp gia đình bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đình K trình bày:

Gia đình anh và gia đình bà H là Xã viên cùng Hợp tác xã năm 1986, bà H đi KB, Hòa Bình, bà H không cấy ruộng được nữa nên có cho anh một thửa ruộng 14 thước ở khu vực ĐM. Cho đến năm 1987, vì nhiều nhà bỏ hoang, cấy ruộng không có công cho nên Hợp tác xã đã điều chỉnh, thu hồi lại và cũng chia lại ruộng. Hợp tác xã chia cho gia đình anh thửa ruộng 14 thước của bà H đã cho anh trước đó. Từ từ năm 1987 đến nay, đã 34 năm, trong sổ của Hợp tác xã đã đứng tên của gia đình anh, hiện tại gia đình anh cũng không liên quan gì đến bà H. Vậy anh kính mong Tòa án nhân dân huyện TT kiểm tra sổ sách tại Hợp tác xã Nông nghiệp xã HB để điều tra chính xác giúp gia đình anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị N1 trình bày:

Năm 1986, Hợp tác xã HB thực hiện theo chính sách nhà nước “Tắc đất, tắc vàng”, hợp tác xã có điều chỉnh thu lại ruộng hoang hóa. Năm 1987, gia đình chị được giao một thửa ruộng 14 thước tại khu vực ĐM, kể từ đó đến nay đã là 35 năm rồi, gia đình chị thực hiện nộp thuế, nộp sản đầy đủ. Gia đình chị có sổ nộp sản, sổ nộp thuế đất nông nghiệp. Gia đình chị không liên quan gì đến gia đình bà H, mong tòa giải quyết giúp đỡ gia đình chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn T trình bày:

Ông nhận chức vụ Giám đốc Hợp tác xã Dịch vụ tổng hợp xã HB từ tháng 3 năm 2022. Ông nhận bàn giao toàn bộ sổ sách của ông Nguyễn Văn T, chỉ có sổ sách từ năm 1988 trở lại đây thì ông kiểm tra không có tên của bà Nguyễn Thị H, chỉ có tên họ ông T. Ông được biết trước đây hộ bà Nguyễn Thị H được giao theo Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động ngày

13/11/1981 (gọi là khoán 100). Giao cuối năm 1981 đến 1984, gia đình bà H không ở làng đã đi lên huyện KB, tỉnh Hòa Bình sinh sống. Ruộng cấy lúa của bà H ở xứ ĐM không cấy nên Hợp tác xã lấy lại không để ruộng hoang hóa và đã giao lại cho hộ ông T, bà H quản lý sử dụng. Thời điểm đó điều chỉnh ruộng đất diễn ra liên tục. Khi ông nhận chức vụ này ông không được bàn giao sổ sách từ năm 1981 đến 1984 do bị thất lạc trong quá trình chuyển trụ sở, mỗi một. Toàn bộ sổ sách trước thời điểm năm 1988, Hợp tác xã HB không còn lưu giữ tài liệu nào.

Theo sổ sách bàn giao lại thì thửa đất tại xứ ĐM (thửa đất hiện đang tranh chấp) có diện tích 14 thước, chủ thửa ruộng là ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1958 có hộ khẩu tại thôn S, xã HB, huyện TT, vợ là bà Đỗ Thị H. Hợp tác xã đã bàn giao cho vợ chồng ông T từ năm 1988. Ngoài ra trong sổ sách lưu giữ tại Hợp tác xã thì không có tên bà Nguyễn Thị H.

1. Thẩm phán công bố tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

**** Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp:***

- Đơn khởi kiện;
- Căn cước công dân của bà Nguyễn Thị H (bản công chứng);
- Sổ hộ khẩu (bản công chứng);
- Biên bản hòa giải tranh chấp đất nông nghiệp ngày 06/8/2018
- Biên bản hòa giải tranh chấp đất nông nghiệp ngày 28/3/2017
- Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí;
- Thẻ hội viên người cao tuổi (bản chứng thực);
- Đơn đề nghị xã HB giải quyết ngày 20/3/2003 (bản phô tô)
- Báo cáo kết luận năm 2003 (bản phô tô);
- Đơn đề nghị;
- Bản tường trình về việc không thu hồi đất của gia đình bà H ngày 26/4/2020 của ông Nguyễn Văn S (bản chính);
- Giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Văn S (bản phô tô);
- Bản tường trình của ông Vũ Đình T (bản phô tô);
- Đơn trình bày bà H vào đội dọn vệ sinh làm để nhận công điểm ngày 27/4/2020 (bản chính);
- Giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn T ngày 28/4/2020 (bản phô tô);
- Giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Văn T (bản phô tô);
- Bản tường trình về việc đất nông nghiệp của gia đình bà Hạ của ông Vũ Hữu Hy ngày 23/4/2020 của ông Vũ Hữu H (bản chính);
- Chứng minh thư nhân dân của ông Vũ Hữu H (bản phô tô);
- Giấy xác nhận của ông Vũ Hữu T2 (Bản chính);
- Đơn đề nghị về việc thay đổi ý kiến trong biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 18/4/2020 (bản chính);
- Chứng minh thư nhân dân của ông Nguyễn Văn T (bản phô tô);

- Đơn đề nghị thu thập chứng cứ ngày 29/3/2022;
- Đơn đề nghị tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 29/3/2021;

- Bản tự khai của bà Nguyễn Thị H, Bản tự khai của anh Vũ Hữu T + Căn cước công dân của anh Vũ Hữu T (bản chứng thực) + sổ hộ khẩu của anh Vũ Hữu T; Bản tự khai của anh Vũ Hữu T1 + Chứng minh thư nhân dân của anh Vũ Hữu T1 (bản chứng thực) + Sổ hộ khẩu (bản chứng thực); Bản tự khai của chị Vũ Thị N + giấy chứng minh nhân dân của chị Vũ Thị N ((bản chứng thực) + Sổ hộ khẩu (bản chứng thực); Bản tự khai của chị Vũ Thị H + giấy chứng minh nhân dân của chị Vũ Thị H((bản chứng thực) + Sổ hộ khẩu (bản chứng thực); Bản tự khai của ông Vũ Hữu D + giấy chứng minh nhân dân của ông Vũ Hữu D ((bản chứng thực) + Sổ hộ khẩu (bản chứng thực);

- Hợp đồng ủy quyền;
- Đơn đề nghị ngày 08/7/2009 (bản phô tô);

*** Các tài liệu do bị đơn giao nộp:**

- Căn cước công dân của ông Nguyễn Đình T, bà Đỗ Thị H (bản phô tô)
- Giấy ủy quyền của chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Đình K, chị Nguyễn Thị N1, bà Đỗ Thị H đều ủy quyền cho ông Nguyễn Đình T.
- Bản tự khai của chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Đình K, chị Nguyễn Thị N1, bà Đỗ Thị H.
- Sổ theo dõi diện tích năng suất, sản lượng Đội Đ vụ mùa năm 1988 (bản phô tô).

- Sổ thuế gốc đất nông nghiệp 2012 (bản phô tô);

*** Các tài liệu do Hợp tác xã giao nộp:**

- Bản tự khai của ông Phan Văn T;
- Biên bản làm việc ngày 12/8/2020 (bản sao);
- Biên bản làm việc ngày 20/8/2020 (bản sao);
- Biên bản làm việc ngày 05/8/2020 (bản sao);
- Biên bản làm việc ngày 28/3/2017 (bản sao);
- Biên bản làm việc ngày 25/8/2016 (bản sao);
- Báo cáo số 10/BC-UBND ngày 01/4/2020 của Ủy ba nhân dân xã HB về quá trình giải quyết vụ việc bà Nguyễn Thị H (bản sao);
- Công văn số 19B/CV-UBND ngày 29/4/2017 về việc trả lời đơn thư của bà Nguyễn Thị H (bản sao);
- Giấy chuyển nhượng ruộng ngày 08/01/2003 (bản phô tô);
- Giấy chuyển nhượng ruộng ngày 12/01/2004 (bản phô tô);

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét

xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục hòa giải đã được tiến hành đúng pháp luật, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT: Không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật là: Tranh chấp quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện quy định tại khoản 1 Điều 36, khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về chứng cứ: Tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ của Nguyên đơn, Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa, các đương sự xác nhận: Các tài liệu bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình T, ông Phan Văn T đã giao nộp trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác cần giao nộp; bà Nguyễn Thị H có yêu cầu Tòa án xác minh thu thập thêm chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1, ông Vũ Hữu T, ông Vũ Hữu H, ông Nguyễn Văn S. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng; các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập; các đương sự không có ý kiến phản đối với các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập; các đương sự nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Chứng cứ do Tòa án thu thập và các đương sự xuất trình, các chứng cứ trong hồ sơ đủ điều kiện là chứng cứ theo quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Các đương sự có mặt đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, người làm chứng ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung vụ kiện:

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất:

Nguồn gốc thửa đất nông nghiệp ở xứ ĐM, có diện tích 14 thước có nguồn gốc như sau:

Nguồn gốc thửa đất: Năm 1981 - 1982 gia đình bà Nguyễn Thị H được Hợp tác xã nông nghiệp xã HB giao cho 4 thửa cụ thể là: 01 Thửa ruộng ở xứ ĐN diện tích 01 sào 12 thước; 01 thửa ở xứ đồng BC diện tích 09 thước; 01 thửa ruộng ở xứ ĐM diện tích 14 thước; 01 thửa ở xứ ĐB diện tích 01 sào 05 thước. Gia đình bà H cấy được vài vụ sau bà không cấy và cho gia đình ông T cấy. Chính sách của Nhà nước không để bỏ hoang hóa đất ruộng cấy. Năm 1987, Hợp tác xã Nông nghiệp giao cho các hộ gia đình sau: Đối với thửa đất ở xứ ĐM diện tích 14 thước giao cho ông Nguyễn Văn T (vợ là H). Đối với thửa ở xứ ĐB diện tích 01 sào 15 thước giao cho ông C, bà Đ. Ông C, bà Đ đổi ruộng xứ đồng B cho bà S. Hiện tại bà S đang sử dụng. 02 thửa ruộng ở xứ đồng N và xứ ĐC giao cho hộ gia đình ông QT (em trai bà H). Sổ sách do Hợp tác xã Nông nghiệp HB quản lý không có tên bà Nguyễn Thị H.

[2.2] Xét các căn cứ và tài liệu, chứng cứ các bên xuất trình để chứng minh quyền sử dụng đất đối với thửa đất xứ ĐM tại HB, huyện TT, thành phố Hà Nội.

Theo các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H xuất trình:

Năm 1981 Hợp tác xã Giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị H. Gia đình bà cấy những thửa ruộng trên. Bà chỉ cho bà T mẹ của ông T mượn chứ bà không cho ruộng. Từ khi bà được giao ruộng đến nay, bà chưa có một quyết định của Hợp tác xã về việc thu hồi đất của bà giao cho người khác. Bao nhiêu năm nay bà đi đòi ruộng nhưng ông T không trả bà. Qua những bản khai của các ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T2 đều khai là gia đình bà H được giao 04 ruộng như trên. Bà Nguyễn Thị H khẳng định là thửa đất của gia đình bà và bà yêu cầu ông Nguyễn Đình T trả lại ruộng cho gia đình bà thửa ruộng 14 thước ở xứ ĐM, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội.

Theo các tài liệu chứng cứ của ông Nguyễn Đình T xuất trình ông cho rằng:

Theo chủ trương của nhà nước thời điểm đó không để đất hoang hóa, tác đất, tác vàng. Bà H đi lên huyện KB, tỉnh Hòa Bình sinh sống. Nên Hợp tác xã đã giao cho gia đình nhà ông cấy thửa ruộng 14 thước ở xứ ĐM, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội. Gia đình nhà ông đã cấy từ năm 1988 đến nay. Có phiếu thu nộp sản xóm Đ. Theo sổ sách do Hợp tác xã HB quản lý từ năm 1988 đến nay là của gia đình nhà ông. Gia đình nhà ông cũng không mượn đất của gia đình bà H. Nay bà H yêu cầu ông trả lại ruộng ông không đồng ý.

Theo các tài liệu chứng cứ của Hợp tác xã HB:

Trong sổ sách của Hợp tác xã nông nghiệp xã HB năm 1981 có có giao ruộng cho bà 04 thửa ruộng trong đó có 01 thửa ruộng ở xứ ĐM có diện tích 14 thước. Bà H không cấy hợp tác xã giao cho hộ ông Nguyễn Đình T cấy. Năm 1987 hộ ông Nguyễn Đình T có tên trong sổ sách theo dõi diện tích năng suất sản lượng ĐĐ vụ mùa năm

1988. Hợp tác xã nông nghiệp HB khẳng định không có tên bà Nguyễn Thị H trong danh sách giao ruộng khoán sản kể từ năm 1987.

[3]. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1]. Ngày 13/01/1981 Trung ương Đảng ra Chỉ thị 100 (gọi khoán 100) để mở rộng sản xuất khoán sản phẩm đến người lao động. Cụ thể là đội sản xuất trực tiếp giao ruộng cho các xã viên. Ông đội trưởng đội sản xuất trực tiếp giao ruộng cho các hộ xã viên và thu về sản phẩm cuối cùng để đóng góp cho Nhà nước. Năm 1981 - 1982 gia đình bà Nguyễn Thị H được Hợp tác xã nông nghiệp xã HB giao cho 4 thửa cụ thể là: 01 Thửa ruộng ở xứ ĐN diện tích 01 sào 12 thước; 01 thửa ở xứ đồng BC 09 thước diện tích; 01 thửa ruộng ở xứ ĐM diện tích 14 thước; 01 thửa ở xứ ĐB diện tích 01 sào 05 thước. Theo tinh thần của Chỉ thị 100 ruộng đất lúc này chưa giao ổn định cho bất cứ một hộ nào. Nếu hộ cá nhân nào nhận ruộng không thanh toán đủ sản phẩm cho Nhà nước hoặc không đóng góp đầy đủ các nghĩa vụ khác thì Nhà nước có quyền điều chỉnh để giao cho hộ xã viên khác làm có hiệu quả hơn. Thời điểm lịch sử không có quyết định giao đất và cũng không có quyết định thu hồi đất. Năm 1981 không chia lại ruộng nhưng có hai thời điểm điều chỉnh lại ruộng năm 1986 và năm 1989. Trong thực tế giao ruộng căn cứ vào lao động có người canh tác tốt, người canh tác không tốt, có người làm những công việc khác thì Hợp tác xã điều chỉnh lại ruộng cấy cho hợp lý.

Theo chủ trương của Nhà nước về khoán 100 của ban bí thư ban hành Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động ngày 13/01/1981. Ủy ban nhân dân xã HB chỉ thực hiện theo khoán 100. Riêng đối với xã HB chưa thực hiện chia đất nông nghiệp theo Nghị định 64/PC của Chính phủ năm 1993 về việc ban hành quy định giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích nông nghiệp. Vì đặc thù của xã HB diện tích đất nông nghiệp không nhiều mà nhân khẩu tăng. Nếu chia theo Nghị định 64/CP thì mỗi khẩu được quá ít đất nông nghiệp không đủ để sản xuất. Nên Ủy ban nhân dân xã HB không thể thực hiện được chia ruộng theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Việc quản lý đất nông nghiệp phụ thuộc vào sổ sách giao ruộng của Hợp tác xã nông nghiệp. Ủy ban nhân dân xã HB không có sổ mục kê, bản đồ giải thửa không đầy đủ, không thể hiện diện tích của các hộ được giao. Theo khoán 100 toàn bộ sổ sách do Hợp tác xã HB quản lý theo dõi.

Gia đình bà H không cấy. Bà Nguyễn Thị H lên huyện KB, tỉnh Hòa Bình sinh sống. Bà H để lại cho nhà ông T cấy thửa ruộng ở xứ ĐM, xã HB. Theo chủ trương chính sách của Nhà nước không để ruộng hoang hóa. Nên Hợp tác xã HB đã chia cho hộ gia đình ông Nguyễn Đình T. Theo sổ sách Hợp tác xã nông nghiệp HB quản lý đứng tên ông Nguyễn Đình T trong sổ theo dõi diện tích năng suất sản lượng ĐD vụ mùa năm 1988. Sổ thuế đất nông nghiệp năm 2012 đứng tên ông Nguyễn Đình T.

Bà H có xuất trình tại Tòa án bản tường trình về việc đất nông nghiệp của gia đình bà H của ông Vũ Hữu H ngày 23/4/2020, bản tường trình về việc không thu hồi đất nông nghiệp của gia đình bà H của ông Nguyễn Văn S ngày 26/4/2020, đơn đề nghị về việc thay đổi ý kiến trong biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 18/4/2020 của ông Nguyễn Văn T1. Các ông đều khai rằng: Các ông ở nhà thì bà Nguyễn Thị T mang bản đánh máy sẵn đến nhà các ông và bảo các ông ký vào không phải đến Tòa án khi Tòa báo gọi. Các ông tuổi già, nghỉ hưu không biết nên đã ký vào biên bản. Bản tường trình về việc giao đất nông nghiệp cho nông dân của ông Vũ Đình T, giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn T ngày 28/4/2020, Giấy xác nhận của ông Vũ Hữu T2 ngày 25/7/2020. Các ông đều khai đất nông nghiệp của xã HB ổn định vẫn theo khoán 100, không giao lại ruộng theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Ông Vũ Hữu T2 còn xác nhận năm 1981 Hợp tác xã giao khoán cho bà H 04 thửa ruộng. Năm 1986 gia đình bà Nguyễn Thị H đi lên huyện KB, tỉnh Hòa Bình sinh sống có giao cho em trai sử dụng hai thửa và có giao cho bà T mẹ ông T sử dụng hai thửa. Sau đó bà T không sử dụng thửa ruộng xứ DB và báo cáo với Ban quản lý Hợp tác xã là ông Vũ Hữu H và thư ký của đội sản xuất thôn Đ. Ban quản lý Hợp tác xã là ông Vũ Hữu H có giao thửa ruộng DB cho bà Phan Thị C sử dụng và tiếp tục nộp sản cho Hợp tác xã. Thửa ruộng ở xứ DB bà C đổi ruộng cho bà Nguyễn Thị S. Bà S quản lý sử dụng từ đó đến nay. Thực hiện Chỉ thị khoán 100 của Nhà nước là hình thức giao khoán đến hộ. Hộ xã viên nào không cấy Hợp tác xã giao luôn cho hộ khác không để ruộng hoang hóa. Bà H khai bà không sinh sống ở huyện KB, tỉnh Hòa Bình, mà bà sinh sống tại địa phương. Bà H có sinh sống tại địa phương nhưng bà không cấy để ruộng hoang hóa hoặc bà cho người khác cấy thì Hợp tác xã giao khoán luôn cho người khác để nộp thuế sản cho Nhà nước. Toàn bộ sổ sách do Hợp tác xã quản lý không có tên bà Nguyễn Thị H. Do vậy, yêu cầu của bà H không có cơ sở.

Từ những nhận định trên có đủ căn cứ để kết luận thửa ruộng 306,7 m² ở xứ đồng M, xã HB theo số liệu của Công ty cổ phần khảo sát và đo đạc Hà Nội đo đạc ngày 18/5/2022 là của gia đình ông Nguyễn Đình T là có cơ sở. Do vậy, bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Nguyễn Đình T trả lại thửa ruộng có diện tích 306,7 m² ở xứ ĐM, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị H nộp tiền án phí đo đạc, tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng) bà H đã nộp đủ.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí về yêu cầu không được chấp nhận. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 221, 163, 165 Bộ luật dân sự 2015;

Chỉ thị 100-CT/TW ngày 13/01/1981 về “cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong Hợp tác xã nông nghiệp”;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 74, Điều 131, Điều 235, Điều 243, Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b, khoản 2 Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Đình T về việc: Buộc ông Nguyễn Đình T trả lại cho gia đình bà Nguyễn Thị H quyền sử dụng thửa ruộng có diện tích 306,7 m² ở xứ ĐM, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H phải nộp chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Ủy ban nhân dân huyện có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ./.

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSNDTP Hà Nội;
- Các đ-ơng sự;
- THA, VKSND huyện TT;
- Chi cục THA huyện TT;
- L- u HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Yên

